

Thực trạng thực hiện nội dung giáo dục giới tính cho học sinh các trường trung học cơ sở thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

Tiêu Hoàng Phước*, Nguyễn Thị Bích Phượng**

*HV Cao học Trường Đại học Cần Thơ,

**Giảng viên Trường Đại học Cần Thơ

Received: 10/6/2024; Accepted: 16/6/2024; Published: 27/6/2024

Abstract: Sex education activities in secondary schools is one of the important educational activities that contribute to forming students' personalities. To effectively organize sex education activities, special attention should be paid to the content of sex education in schools. This article uses the method of collecting information by questionnaire and surveying 173 teachers and managers in secondary schools in Soc Trang city, Soc Trang province. Research results show that teachers and administrators evaluate the current status of implementing sex education content in schools at a weak level. This is the basis for schools to develop measures to manage sex education activities for students effectively and in accordance with the actual situation at the schools.

Keywords: Sex, sex education content, student, secondary schools, Soc Trang province.

1. Đặt vấn đề

Giáo dục giới tính (GDGT) giữ vai trò quan trọng trong việc hình thành nhân cách của trẻ. Quyết định số 2276/QĐ-BGDĐT trong Kế hoạch hành động của ngành Giáo dục triển khai Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện công tác dân số trong tình hình mới, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đưa ra nhiệm vụ “*Đẩy mạnh truyền thông về giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, giới, bình đẳng giới và giới tính trong nhà trường phù hợp với lứa tuổi, chú trọng kỹ năng và sự tham gia của trẻ em, học sinh, sinh viên; Đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, giới, bình đẳng giới và giới tính; Nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên, giảng viên về giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, giới, bình đẳng giới và giới tính*” (trích nhiệm vụ số 1, 2, 3 của quyết định, Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018).

Quan tâm nghiên cứu về GDGT có tác giả Michelle Gallao (2020), kết quả khảo sát cho thấy rằng phần lớn HS còn thiếu hiểu biết về kiến thức GDGT, GV chưa cung cấp cho HS các nội dung về GDGT một cách đầy đủ. Nghiên cứu của tác giả Mingxuan Liu (2023) cho rằng có 49% HS trung học cơ sở chưa được tham gia vào các hoạt động GDGT trong nhà trường, phần lớn HS đánh giá các nội dung GDGT do GV cung cấp chưa phong phú, đa dạng. Tác giả Nguyễn Thị Trâm Anh và Đoàn Thị Hồng Loan (2022), nghiên cứu một số hoạt động GDGT

cho HS trung học cơ sở ở các trường phổ thông tư thực thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương với các nội dung như: GDGT về tuổi dậy thì, những biến đổi tâm sinh lý tuổi dậy thì; những biến đổi và khác biệt về tính cách em trai, em gái; giáo dục kỹ năng giao tiếp ứng xử trong quan hệ giữa bạn trai, bạn gái ở tuổi vị thành niên, với cha mẹ, anh em trong gia đình; giáo dục bạn trai biết tự trọng, tôn trọng bảo vệ bạn gái; giáo dục kỹ năng phòng vệ cho em gái. Kết quả nghiên cứu cho thấy, GV, CBQL và PHHS đều có nhận thức khá tốt về sự cần thiết của công tác GDGT nhưng cách thức tiến hành GDGT chưa tương xứng với tầm quan trọng của công tác này, chưa có sự chỉ đạo thống nhất, chuyên sâu từ phòng Giáo dục và Đào tạo. Vì vậy, hoạt động GDGT còn gặp nhiều khó khăn.

Tìm hiểu thực tiễn các nghiên cứu về hoạt động GDGT cho HS trung học cơ sở thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng chưa nhiều. Bài báo này trình bày đánh giá của GV và CBQL về thực trạng thực hiện nội dung GDGT cho HS trung học cơ sở thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi và khảo sát 173 GV và CBQL các trường trung học cơ sở thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Dựa vào thang đo Likert với giá trị khoảng được tính bằng $(\text{Maximum} - \text{Minimum})/n = (5 - 1)/5$

= 0,8. Số liệu khảo sát được xử lý bằng phần mềm SPSS. Tính toán điểm trung bình (ĐTB) về mức độ thường xuyên và mức độ hiệu quả khi thực hiện nội dung GDGT qua đánh giá của GV và CBQL.

Nội dung hoạt động GDGT được tính toán theo 5 mức độ: Mức 1=Không thực hiện/Không hiệu quả (ĐTB =1,00-1,80); Mức 2=Hiếm khi thực hiện/Ít hiệu quả (ĐTB=1,81-2,60); Mức 3=Thỉnh thoảng thực hiện/Tương đối hiệu quả (ĐTB=2,61-3,40); Mức 4=Thực hiện thường xuyên/Khá hiệu quả (ĐTB=3,41-4,20); Mức 5=Thực hiện rất thường xuyên/Rất hiệu quả (ĐTB=4,21-5,00).

2.2. Nội dung giáo dục giới tính cho học sinh trung học cơ sở

Theo Bùi Ngọc Oánh (2008), để xây dựng nội dung GDGT cho HS THCS, nhà giáo dục phải dựa vào các căn cứ sau đây: năng lực và trình độ phát triển chung về khả năng nhận thức, tiếp nhận và xử lý thông tin của HS THCS; sự quan tâm có chủ đích hay do tình cờ trong việc tiếp nhận những thông tin nhất định về giới của HS; dựa vào những đặc điểm về hành vi của HS trong quan hệ với người khác giới; dựa vào mức độ trưởng thành về thể chất, tinh thần; những biến đổi về sinh lý của HS THCS; dựa vào quy luật chung của việc hình thành tập thể lớp, đặc điểm của lớp học và những ảnh hưởng của nó đến tâm lý giới tính của HS.

Nội dung GDGT cho HS ở trường THCS gồm:

(1) Hệ thống những tri thức về giới, giới tính và phân biệt các đặc điểm về giới và giới tính; vai trò của giới và giới tính; các giai đoạn phát triển của con người và đặc điểm giới tính qua từng giai đoạn; những biến đổi về tâm lý, sinh lý ở tuổi dậy thì, các hiện tượng kinh nguyệt, vệ sinh kinh nguyệt, vệ sinh kinh nguyệt ở nữ hay các vấn đề về bộ phận sinh dục của nữ giới và nam giới; những biện pháp giữ gìn sức khỏe sinh sản; những tri thức về thụ thai, mang thai, nạo phá thai và phòng chống bệnh lây lan qua

đường tình dục; những tri thức về sức khỏe sinh sản và bảo vệ sức khỏe sinh sản vị thành niên, các vấn đề về đạo đức giới tính, nhu cầu giới tính.

(2) Hệ thống thái độ tích cực trước các vấn đề giới tính: ý thức trách nhiệm của thiếu niên trong gia đình, nhà trường và ngoài xã hội; ý thức trách nhiệm đối với hoạt động học tập, lao động, sinh hoạt sao cho phù hợp với những đặc điểm của giới cho học sinh; thái độ tích cực trong việc thực hiện bình đẳng giới, phân biệt giới, định kiến về giới; thái độ tích cực trong quan hệ với người khác giới và biết bảo vệ giới tính của mình; tính tự chủ trong làm chủ hành vi của bản thân, tự trọng biết bảo vệ mình trong mọi tình huống.

(3) Hệ thống kỹ năng hành vi phù hợp với giới tính: các kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp phù hợp với chuẩn mực của giới và giới tính; kỹ năng biết bảo vệ bản thân chống xâm phạm tình dục; kỹ năng giữ khoảng cách trong tình bạn khác giới, tình yêu; kỹ năng giữ gìn và bảo vệ sức khỏe sinh sản; kỹ năng phòng chống các bệnh lây lan qua đường tình dục.

2.3. Kết quả nghiên cứu thực trạng thực hiện nội dung giáo dục giới tính cho học sinh các trường trung học cơ sở thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

Thăm dò thông tin của 173 khách thể (92 GV bộ môn, 81 CBQL) qua phiếu khảo sát đánh giá thực trạng thực hiện nội dung GDGT cho HS trung học cơ sở thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Kết quả thu được thể hiện ở Bảng 2.1.

Bảng 2.1. Kết quả khảo sát thực trạng việc thực hiện nội dung GDGT cho HS trung học cơ sở

Nội dung	SL	Mức độ thường xuyên				Mức độ hiệu quả			
		GV	CBQL	GV + CBQL	Thứ hạng	GV	CBQL	GV + CBQL	Thứ hạng
1. Phòng chống nhiễm HIV/AIDS.	173	2,27	2,22	2,25	6	2,38	2,35	2,37	4
2. Xây dựng tình bạn trong sáng, tình yêu lành mạnh.	173	2,39	2,33	2,36	3	2,33	2,31	2,32	6
3. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong hôn nhân.	173	2,08	2,11	2,10	9	2,13	2,19	2,16	9
4. Bình đẳng giới; phân biệt giới.	173	2,32	2,37	2,35	4	2,36	2,41	2,39	3
5. Những biến đổi ở tuổi dậy thì ở nam và nữ.	173	1,93	2,01	1,97	11	1,96	2,04	2,00	11
6. Tính tự chủ, tự trọng giới tính.	173	2,03	2,09	2,06	10	2,09	2,14	2,12	10
7. Kiến thức về thụ thai, mang thai và phòng tránh thai.	173	2,46	2,48	2,47	1	2,47	2,44	2,46	1
8. Kiến thức về tác hại của nạo phá thai.	173	2,47	2,42	2,45	2	2,45	2,41	2,43	2
9. Đạo đức giới tính.	173	2,22	2,17	2,20	7	2,29	2,26	2,28	7
10. Giáo dục kỹ năng biết bảo vệ bản thân chống xâm phạm tình dục.	173	2,29	2,25	2,27	5	2,37	2,31	2,34	5
11. Giáo dục cho học sinh các kỹ năng, hành vi phù hợp với chuẩn mực của giới và giới tính.	173	2,14	2,07	2,11	8	2,28	2,20	2,24	8
Đánh giá chung	1903	2,24	2,23	2,24		2,28	2,28	2,28	

Qua bảng 2.1, ta thấy rằng:

Điểm trung bình thực trạng thực hiện nội dung GDGT cho HS trung học cơ sở từ 1,93 đến 2,48. Như vậy, GV và CBQL đánh giá việc thực hiện nội dung GDGT cho HS các trường trung học cơ sở thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng ở mức độ hiếm khi thực hiện và ít hiệu quả (mức 2).

Đối với mức độ thường xuyên: Nội dung “*Kiến thức về thụ thai, mang thai và phòng tránh thai*” được thực hiện thường xuyên ở mức cao nhất (ĐTB=2,47), thực hiện thường xuyên ở mức cao thứ hai là nội dung “*Kiến thức về tác hại của nạo phá thai*” (ĐTB=2,45), thực hiện thường xuyên ở mức cao thứ ba là nội dung “*Xây dựng tình bạn trong sáng, tình yêu lành mạnh*” (ĐTB=2,36). Nội dung “*Những biến đổi ở tuổi dậy thì ở nam và nữ*” được thực hiện ở mức độ thường xuyên thấp nhất (ĐTB=1,97). Các nội dung còn lại được thực hiện ở mức độ hiếm khi thực hiện.

Đối với mức độ hiệu quả: Nội dung “*Kiến thức về thụ thai, mang thai và phòng tránh thai*” được đánh giá có mức độ hiệu quả cao nhất (ĐTB=2,46), thực hiện ở mức độ hiệu quả cao thứ hai là nội dung “*Kiến thức về tác hại của nạo phá thai*” (ĐTB=2,43), thực hiện ở mức độ hiệu quả cao thứ ba là nội dung “*Bình đẳng giới; phân biệt giới*” (ĐTB=2,39). Nội dung “*Những biến đổi ở tuổi dậy thì ở nam và nữ*” được thực hiện ở mức độ hiệu quả thấp nhất (ĐTB=2,00). Các nội dung còn lại cũng được thực hiện với mức độ ít hiệu quả.

Khi phỏng vấn 1 GV tại trường THCS Tôn Đức Thắng về việc thực hiện nội dung giáo dục giới tính còn hạn chế hiện nay, GV cho rằng: “*Những nội dung GDGT trên được dạy lồng ghép vào một số môn học như Sinh học, Giáo dục công dân. Những nội dung về GDGT còn quá tế nhị, học sinh còn ngại ngùng nên một số GV yêu cầu HS tự đọc sách giáo khoa hay dạy lướt qua cho nhanh*”. Hiệu trưởng trường THCS Tôn Đức Thắng cho rằng: “*Hiện nay chưa có một tài liệu nào về khung chương trình nội dung GDGT cho HS nên nhiều GV còn hạn chế trong việc xây dựng kế hoạch bài dạy và khó khăn trong các hoạt động tổ chức dạy học. Vì vậy, nhiều HS chưa được tiếp xúc với các nội dung về GDGT*”.

Như vậy, nội dung GDGT cho HS chưa được tiến hành thường xuyên, nếu có làm thì cũng chưa hiệu quả. Nhiều HS chưa được tiếp cận với các nguồn kiến thức GDGT khoa học từ thầy cô mà chỉ tìm kiến được thông qua bạn bè hay một số trang báo, các em

cảm thấy mình gặp nhiều khó khăn khi đối diện với các tình huống xảy ra trong thực tế. Nhà quản lý giáo dục cần quan tâm nhiều hơn về nội dung GDGT cho học sinh THCS để có thể tìm ra các biện pháp cải thiện hoạt động này một cách có hiệu quả.

3. Kết luận

Hoạt động GDGT tính ở các trường THCS là một trong những hoạt động giáo dục quan trọng để góp phần hình thành nhân cách cho HS. Để tổ chức có hiệu quả hoạt động GDGT cần đặc biệt quan tâm đến các nội dung GDGT trong nhà trường. Kết quả nghiên cứu cho thấy, công tác triển khai nội dung GDGT cho HS các trường trung học cơ sở thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng bước đầu được triển khai thực hiện. Tuy nhiên, GV và CBQL đánh giá việc thực hiện nội dung GDGT cho HS các trường trung học cơ sở thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng ở mức yếu, chưa thực hiện ở mức độ thường xuyên và thực hiện ít hiệu quả. Các trường trung học cơ sở tại thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng cần có biện pháp thích hợp để nội dung giáo dục giới tính cho học sinh được thực hiện một cách thường xuyên và hiệu quả hơn.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Trâm Anh, Đào Thị Hồng Loan (2022). *Biện pháp nâng cao chất lượng quản lý hoạt động giới tính cho học sinh trung học cơ sở ở các trường phổ thông tư thục trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương*. Tạp chí Thiết bị giáo dục.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Quyết định ban hành kế hoạch hành động của ngành giáo dục triển khai chương trình hành động của Chính phủ thực hiện nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới*. Hà Nội.
3. Bùi Ngọc Oánh (2008). *Tâm lý học giới tính và giáo dục giới tính*. NXB Giáo dục.
4. Michelle Gallao (2020). *Sex education: Level of knowledge and its effects on sexual behavior and opinions among the government senior high school students of Vigan city*. The Southeast Asian conference on education, official conference proceedings.
5. Mingxuan Liu (2023). *The implementation of sex education for secondary school students of China*. Journal of Education, Humanities and Social Sciences.